

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****ỦY BAN THƯỜNG VỤ  
QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 753/2005/NQ-UBTVQH11

**NGHỊ QUYẾT****ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân****ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;*

*Theo đề nghị của Ban soạn thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và ý kiến của các thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội,*

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 6 năm 1996.

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ bảo đảm thực hiện Quy chế này./.

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2005

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Chủ tịch***Nguyễn Văn An**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ  
QUỐC HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

*(ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XI)*

*Chương I*

**ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 1.** Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương, gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách và tham gia vào việc quản lý nhà nước.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ chấp hành nội quy kỳ họp, tham dự đầy đủ kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân, cuộc thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, cuộc họp Ban của Hội đồng nhân dân mà đại biểu là thành viên, tham gia các hoạt động khác của Hội đồng nhân dân.

**Điều 2.**

**1.** Khi nhận được thông báo về thời gian, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân.

**2. Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ sau đây:**

a) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp;

b) Thảo luận tại phiên họp toàn thể và thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp;

c) Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

**Điều 3.** Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Đại biểu Hội đồng nhân dân không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân thì tùy mức độ phạm sai lầm mà bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

**Điều 4.** Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử họp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân. Số lượng, danh sách thành viên, Tổ trưởng và Phó Tổ trưởng của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường



trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Phó Tổ trưởng giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công.

Khi đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong cùng đơn vị hành chính cấp đại biểu được bầu, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình đang sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình công tác hoặc cư trú. Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ tới Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

**Điều 5.** Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân họp ít nhất mỗi quý một lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp dân, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của Nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

Trước kỳ họp Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu họp để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp; tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến và nguyện vọng của cử tri.

Sau kỳ họp Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu tổ chức để các đại biểu tiếp xúc, báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp.

Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

## Chương II

### KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 6.** Hội đồng nhân dân các cấp họp thường lệ mỗi năm hai kỳ; trường hợp không thể triệu tập kỳ họp thường lệ thì Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo để Thường trực Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định; đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) thì báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hội đồng nhân dân có thể tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp bất thường.

**Điều 7.** Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được tiến hành chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; ở miền núi, nơi nào đi lại khó khăn thì kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành chậm nhất là bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; đối với địa phương có bầu lại, bầu thêm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn ba mươi ngày hoặc bốn mươi lăm ngày được tính từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp đó kết thúc.



**Điều 8.** Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập và gửi dự kiến chương trình kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân chậm nhất là hai mươi ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp bất thường chậm nhất là mười ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, mười ngày đối với Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) và Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là bảy ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước hữu quan để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Chậm nhất là năm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân và các tài liệu cần thiết khác.

Chậm nhất là năm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thông

báo ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin, báo chí ở địa phương để nhân dân biết.

**Điều 9.** Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm gửi giấy mời và những văn bản cần thiết có liên quan đến kỳ họp Hội đồng nhân dân tới Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, đối với cấp tỉnh thì gửi tới Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ; gửi giấy mời tới đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp trên được bầu ở địa phương, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu các đoàn thể nhân dân cùng cấp và đại diện cử tri.

Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân được mời dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân và phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực mà mình phụ trách theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của mình khi được Chủ tọa phiên họp đồng ý.

Các cơ quan thông tin, báo chí ở địa phương được mời dự phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân; phiên họp khai mạc, chất vấn và trả lời chất vấn, bế mạc có thể được phát thanh, truyền hình trực tiếp.

**Điều 10.** Chương trình kỳ họp Hội



đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân thông qua trước khi khai mạc kỳ họp theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân; nếu là kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới thì theo đề nghị của người triệu tập kỳ họp.

### **Điều 11.**

**1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến tại phiên họp toàn thể Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:**

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân đăng ký phát biểu; Chủ tọa phiên họp mời từng đại biểu phát biểu;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá hai lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá mười phút. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa phiên họp quyết định;

c) Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

**2. Đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tại phiên họp Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:**

a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung cần biểu quyết trước khi biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành hoặc không tán thành;

b) Trong trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua thì Chủ tọa phiên họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

### **Điều 12.**

1. Tại phiên họp đầu tiên của kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cử Thư ký lâm thời kỳ họp theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp. Thư ký lâm thời hết nhiệm vụ khi Hội đồng nhân dân bầu được Thư ký kỳ họp.

**2. Tại phiên họp đầu tiên của kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, việc thẩm tra tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như sau:**

a) Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng bầu cử báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân bầu Ban thẩm tra tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân không quá năm người, gồm Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các thành viên khác trong số những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp;

b) Căn cứ biên bản kết quả bầu cử và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc bầu cử, Ban thẩm tra tư cách đại biểu tiến hành thẩm tra tư cách đại biểu của những người trúng cử và báo cáo kết quả để Hội đồng nhân dân quyết định;



c) Hội đồng nhân dân thảo luận và thông qua nghị quyết xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc tuyên bố việc bầu đại biểu nào đó là không có giá trị;

d) Ban thẩm tra tư cách đại biểu hết nhiệm vụ khi việc thẩm tra tư cách đại biểu đã hoàn thành.

Trong nhiệm kỳ, nếu có bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc thẩm tra tư cách đại biểu của người trúng cử được tiến hành tại kỳ họp gần nhất sau khi bầu cử bổ sung. Việc thẩm tra tư cách đại biểu được bầu bổ sung thực hiện theo quy định tại khoản này.

### **3. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa, Hội đồng nhân dân bầu các chức vụ theo quy định sau đây:**

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp;

b) Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên khác của các Ban của Hội đồng nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Việc thành lập Ban dân tộc, số lượng thành viên và Phó Trưởng ban của từng Ban của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự

giới thiệu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

d) Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Thư ký kỳ họp của mỗi khóa Hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp;

e) Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân cùng cấp theo sự giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**4.** Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền giới thiệu và ứng cử vào các chức vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 3 Điều này.

**5.** Hội đồng nhân dân thảo luận, thông qua danh sách để bầu các chức vụ quy định tại khoản 3 Điều này. Việc bầu cử các chức vụ được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín theo danh sách để cử chức vụ từng người.

### **Điều 13.**

**1.** Hội đồng nhân dân bầu Ban kiểm phiếu không quá năm người, gồm Trưởng ban, Thư ký và các thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp. Trong trường hợp thành viên của Ban kiểm phiếu là người được giới thiệu hoặc tự ứng cử để bầu vào chức vụ quy định tại khoản 3 Điều 12 hoặc là người bị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Hội đồng nhân dân bầu thành viên khác thay thế.



2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ xác định kết quả bầu cử các chức vụ quy định tại khoản 3 Điều 12 và kết quả việc bỏ phiếu tín nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu báo cáo Hội đồng nhân dân kết quả bỏ phiếu tại kỳ họp.

**3. Ban kiểm phiếu xác định kết quả bầu cử theo nguyên tắc sau đây:**

a) Người được quá nửa số phiếu bầu so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân và được nhiều phiếu hơn thì trúng cử;

b) Trong trường hợp cùng một chức vụ mà nhiều người được số phiếu ngang nhau và đạt quá nửa số phiếu so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân bầu lại chức vụ này trong số những người được số phiếu ngang nhau. Trong số những người được bầu lại, người được số phiếu nhiều hơn là người trúng cử; nếu bầu lại mà nhiều người vẫn được số phiếu ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

4. Ban kiểm phiếu hết nhiệm vụ sau khi cuộc bỏ phiếu đã hoàn thành.

**Điều 14.** Thư ký kỳ họp của mỗi khóa Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính

xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể;

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc điều khiển thảo luận và biểu quyết;

5. Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân, các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản khác để trình Hội đồng nhân dân;

6. Giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

**Điều 15.** Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nghe Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, thông báo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát; nghe Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị; xem xét báo cáo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và báo cáo công tác của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; xem xét việc trả lời chất



vấn. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo của cơ quan nhà nước hữu quan, ra nghị quyết về những vấn đề Hội đồng nhân dân xem xét.

Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình.

**Điều 16.** Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo trình tự sau đây:

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án thuyết trình trước Hội đồng nhân dân;

2. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân được giao thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày báo cáo thẩm tra; ở cấp xã thì đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân;

3. Hội đồng nhân dân thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Khi

cần thiết, Hội đồng nhân dân yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.

Cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án báo cáo về việc tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân. Chủ tọa hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân có thể đề nghị kết thúc việc thảo luận, khi vấn đề được nêu ra để lấy biểu quyết thì việc thảo luận kết thúc;

5. Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc nghe đọc toàn văn rồi biểu quyết toàn bộ một lần hoặc biểu quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau rồi biểu quyết toàn bộ.

**Điều 17.** Nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực.

Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Thư ký kỳ họp ký tên. Biên bản phiên họp Hội đồng nhân dân do Chủ tọa phiên họp và Thư ký kỳ họp ký tên. Biên bản cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân do Tổ trưởng và Thư ký của Tổ ký tên.

Chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, báo cáo, đề án, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân phải được Thường trực Hội đồng nhân dân gửi lên Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên



trực tiếp; đối với cấp tỉnh thì phải được gửi lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được gửi đến các cơ quan liên quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được đăng Công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

### Chương III

## THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

### Điều 18.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân hoạt động thường xuyên, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tổ chức các hoạt động của Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp. Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân trước Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân chỉ đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và công dân.

Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch. Khi Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch; khi Chủ tịch và Phó Chủ tịch vắng mặt thì Ủy viên thường trực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và Phó Chủ tịch.

4. Khi khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới. Khi khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch thì Ủy viên Thường trực thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể làm việc kiêm nhiệm, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân làm việc chuyên trách.

**Điều 19.** Trong việc chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường



trực Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày tiến hành kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì họp với Ủy ban nhân dân, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

Chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày tiến hành kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã chủ trì họp với Ủy ban nhân dân cùng cấp để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp được mời dự cuộc họp này;

2. Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp;

3. Chủ trì, phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để báo cáo tại kỳ họp;

4. Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân và trả lời chất vấn giữa hai kỳ họp;

5. Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

6. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn do pháp luật quy định.

**Điều 20.** Khi chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Điều khiển phiên họp theo chương trình đã được Hội đồng nhân dân thông qua; đề nghị Hội đồng nhân dân điều chỉnh chương trình khi cần thiết;

2. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của Hội đồng nhân dân hoặc cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

3. Bảo đảm thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp ý kiến, dành thời gian thỏa đáng cho việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp;

4. Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp Hội đồng nhân dân và tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

5. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án;

6. Điều hành để Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết, báo cáo, đề án.



**Điều 21.** Trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân cùng cấp, các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân địa phương thì Thường trực Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể trình ra kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân hoặc triệu tập kỳ họp bất thường để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định;

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân; xem xét, quyết định điều

chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 22.** Trong việc điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Phân công Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân;

2. Phân công Ban tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và một số công việc khác;

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân;

4. Điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động;

5. Tham dự cuộc họp của Ban;

6. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp hàng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân với các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân;

7. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân ở địa phương.



**Điều 23.** Trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri;

2. Phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến để chuyển tới các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan nghiên cứu giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo trước Hội đồng nhân dân những ý kiến, kiến nghị đó và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức hữu quan;

3. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các văn bản quy phạm pháp luật khác, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 24.** Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ban của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, Đoàn công tác của Chính phủ khi về địa phương công tác.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương. Định kỳ ba tháng một lần, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng với Đoàn đại biểu Quốc hội nghe Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của địa phương báo cáo về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân do đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội chuyển đến.

Thường trực Hội đồng nhân dân gửi báo cáo hàng quý, sáu tháng và cả năm về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân lên Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, đối với cấp tỉnh thì gửi báo cáo lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện có thể tổ chức giao ban, hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa Thường trực Hội đồng nhân dân cấp mình với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp dưới.

### **Điều 25.**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân mỗi tháng họp ít nhất một lần để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của mình, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân và đề ra nhiệm vụ công tác tháng sau.



2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ tọa cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ tọa.

Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

3. Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, đại diện Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp được mời dự cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân. Trưởng hoặc Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội được mời dự cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, đại diện đoàn thể nhân dân có thể được mời dự các cuộc họp này khi bàn về vấn đề có liên quan.

Người được mời dự cuộc họp được phát biểu ý kiến về các nội dung của cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

#### Chương IV

### CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 26.** Ban của Hội đồng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu trách nhiệm và báo cáo

công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể làm việc chuyên trách, nếu Trưởng ban làm việc kiêm nhiệm thì Phó Trưởng ban phải làm việc chuyên trách.

Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện có thể làm việc chuyên trách.

Trường hợp Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân làm việc kiêm nhiệm thì Hội đồng nhân dân quy định thời gian mà Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban đó phải dành cho hoạt động của Ban.

**Điều 27.** Các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

Các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.

Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc



hội trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực hoạt động của mình với các Ban tương ứng của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Ban của Hội đồng nhân dân cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khi Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu.

**Điều 28.** Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân yêu cầu và tạo điều kiện để Ban hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 29.** Căn cứ vào chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình công tác của mình.

Ban của Hội đồng nhân dân họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

**Điều 30.** Ban kinh tế và ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp

của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường tại địa phương;

5. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân.



**Điều 31.**

**1. Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:**

a) Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo;

b) Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

c) Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo;

d) Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo tại địa phương;

đ) Kiến nghị với Hội đồng nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo;

e) Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân.

**2. Ở những nơi có nhiều dân tộc nhưng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không thành lập Ban dân tộc thì Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể quy định tại Điều 33 của Quy chế này.**

**Điều 32. Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:**

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các



cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

5. Tham gia xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến nghị với Hội đồng nhân dân về những biện pháp bảo đảm việc thi hành pháp luật ở địa phương;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân.

**Điều 33.** Ban dân tộc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực dân tộc;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách dân tộc do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về lĩnh vực dân tộc; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về lĩnh vực dân tộc;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực dân tộc tại địa phương;

5. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực dân tộc;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân.

**Điều 34.** Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp huyện có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống, khoa học, công nghệ,



tài nguyên và môi trường, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo tại địa phương;

5. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và đời sống, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân.

**Điều 35.** Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân cấp huyện có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính;



giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

5. Tham gia xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến nghị với Hội đồng nhân dân về những biện pháp bảo đảm việc thi hành pháp luật ở địa phương;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân.

### **Điều 36.**

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban có thể cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra, tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó, khảo sát tình

hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

**2. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án được thực hiện theo trình tự sau đây:**

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

c) Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận;

e) Ban biểu quyết.

**3. Nội dung của báo cáo thẩm tra phải nêu được ý kiến đánh giá của Ban về dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, những vấn đề được Ban nhất trí, không nhất trí và còn có ý kiến khác nhau, những kiến nghị sửa đổi, bổ sung.**

### **Điều 37.**

**1. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:**

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp



của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban khác của Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và trung ương đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;

đ) Tham dự các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân, các cơ quan, tổ chức ở địa phương mời;

e) Tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

## **2. Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:**

a) Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban;

b) Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi Trưởng ban phân công.

## *Chương V*

### **HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Mục 1. HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

##### **Điều 38.**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân và cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương.

2. Chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp đại biểu được bầu có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương.

Chậm nhất là mười ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm làm báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.



3. Chậm nhất là mười lăm ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp đại biểu được bầu có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân và vận động nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

4. Mỗi năm một lần vào cuối năm, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu ra mình về hoạt động trong năm, nhiệm vụ năm tới của mình và của Hội đồng nhân dân.

Cử tri có thể thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc trực tiếp bày tỏ ý kiến nhận xét của mình tại hội nghị tiếp xúc cử tri về hoạt động của Hội đồng nhân dân và của đại biểu Hội đồng nhân dân. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân về nhận xét của cử tri.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc hoặc theo chuyên đề. Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân giúp đại biểu hoặc đại biểu tự liên hệ với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách

nhiệm giúp đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện việc tiếp xúc cử tri.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

**Điều 39.** Căn cứ vào tình hình thực tế ở từng địa phương, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có thể phối hợp cùng tiếp xúc cử tri.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp dự kiến chương trình, thời gian, địa điểm tiếp xúc cử tri.

**Điều 40.** Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân, tình hình thực tế ở địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

Thường trực Hội đồng nhân dân gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân cùng cấp, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, đồng thời thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới và cơ quan, tổ



chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

**Điều 41.** Trên cơ sở kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp dưới, đối với cấp xã thì phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban công tác Mặt trận và Trưởng thôn, ấp, làng, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm ở địa phương để tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri. Chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để nhân dân biết tham gia.

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân họp phân công đại biểu tiếp xúc cử tri tại các đơn vị bầu cử, bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực trong việc tiếp xúc cử tri. Trong trường hợp không thể tiếp xúc cử tri thì đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổng hợp và báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp mình về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu trong Tổ, báo cáo với cử tri về việc tham gia tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại đơn vị bầu cử đó.

**Điều 42.** Căn cứ vào nội dung tiếp xúc

cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri có thể gồm các thành phần sau đây:

1. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đại biểu được bầu; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương nơi tiếp xúc cử tri;

2. Cử tri trực tiếp làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; cử tri ở thôn, ấp, làng, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm.

**Điều 43.** Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nội dung và trình tự sau đây:

1. Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức tiếp xúc cử tri, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đại biểu, chương trình, nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị;

**2. Đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri những vấn đề sau đây:**

a) Dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp; kết quả kỳ họp và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp;

b) Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ kinh



tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

c) Hoạt động của đại biểu và của Hội đồng nhân dân đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp cuối năm;

**3.** Cử tri phát biểu ý kiến;

**4.** Đại diện Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu, trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

**5.** Đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri;

**6.** Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát biểu kết thúc hội nghị, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

**Điều 44.** Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú được tổ chức như sau:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi đại biểu cư trú để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân liên hệ với Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri;

2. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi đại biểu cư trú phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri thông báo rộng rãi cho cử tri nơi đại biểu Hội đồng nhân dân đề nghị tiếp xúc biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại biểu cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện và bảo đảm trật tự, an toàn cho cuộc tiếp xúc cử tri;

3. Trình tự tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú được thực hiện tương tự như hội nghị tiếp xúc cử tri quy định tại Điều 43 của Quy chế này.

**Điều 45.** Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi làm việc được tổ chức như sau:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân liên hệ với Ban chấp hành công đoàn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri;

2. Ban chấp hành công đoàn nơi đại biểu làm việc phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri và thông báo cho cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri; nơi nào không có tổ chức công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri;

3. Trình tự tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri nơi làm việc được thực hiện tương tự như hội nghị tiếp xúc cử tri quy định tại Điều 43 của Quy chế này.



**Điều 46.**

1. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức tiếp xúc cử tri, nếu ở cấp xã thì phối hợp với Ban công tác Mặt trận nơi đại biểu được bầu, nếu là tiếp xúc cử tri ở nơi làm việc thì Ban chấp hành công đoàn chủ trì, phối hợp với đại biểu Hội đồng nhân dân chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đại biểu được bầu trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

**2. Sau đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:**

a) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp đại biểu được bầu được tổng hợp và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó;

b) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp dưới được tổng hợp và gửi đến cơ quan, tổ chức đó để giải quyết, đồng thời gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó;

c) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp trên được tổng hợp và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đại biểu được bầu.

**Mục 2. HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 47.** Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu có thời gian tiếp công dân, tiếp nhận, chuyển đơn, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Điều 48.**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất cho việc tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân khi đại biểu yêu cầu.

Danh sách, kế hoạch, thời gian tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân được niêm yết tại nơi tiếp công dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân gửi kế hoạch tiếp công dân đến Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và mời đại diện các cơ quan này tham dự các buổi tiếp công dân.



2. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân dành ít nhất hai ngày trong một tháng để tiếp công dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp xây dựng Quy chế tiếp công dân phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương.

**Điều 49.** Khi nhận được ý kiến, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xem xét, nghiên cứu để phản ánh tới Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Khi nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu và hướng dẫn công dân gửi khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét giải quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Trong thời hạn do pháp luật quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân do đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân chuyển đến. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định giải quyết, cơ quan, tổ

chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân biết việc giải quyết.

Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết không thỏa đáng, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại. Khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó giải quyết.

**Điều 50.** Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

## Chương VI

### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

#### Mục 1. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 51.** Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát hàng năm theo trình tự sau đây:



1. Chậm nhất là hai mươi lăm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tập hợp đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và kiến nghị của cử tri ở địa phương về nội dung giám sát của Hội đồng nhân dân;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tự mình hoặc trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này lập dự kiến nội dung, chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân năm sau trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tại kỳ họp cuối năm;

3. Sau khi nghe đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân đọc Tờ trình về dự kiến chương trình giám sát và ý kiến phát biểu của các Ban, Hội đồng nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân.

### **Điều 52.**

**1. Tại kỳ họp cuối năm, Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo công tác hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp theo trình tự sau đây:**

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan trình bày báo cáo;

b) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo thẩm tra hoặc phát biểu ý kiến về báo cáo của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; đối với cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân trình bày ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân về báo cáo công tác của Ủy ban nhân dân;

c) Hội đồng nhân dân thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, Hội đồng nhân dân có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Người đứng đầu cơ quan báo cáo trình bày những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân quan tâm và việc tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân;

đ) Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân ra nghị quyết về báo cáo công tác của cơ quan trình báo cáo.

**2. Tại kỳ họp giữa năm, các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này gửi báo cáo công tác đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến đại biểu Hội đồng nhân dân; đại biểu Hội đồng nhân dân có thể nêu ý kiến và đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận.**

**Điều 53.** Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

**1. Đại biểu Hội đồng nhân dân ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu ghi chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến người bị chất vấn;**

**2. Thường trực Hội đồng nhân dân**



tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân; dự kiến danh sách những người có trách nhiệm trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân quyết định; trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân. Thời hạn trả lời bằng văn bản do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định;

### 3. Việc trả lời chất vấn tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chủ tọa phiên họp nêu những vấn đề chất vấn và thứ tự trả lời chất vấn;

b) Người bị chất vấn trả lời trực tiếp, đầy đủ về các nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn và xác định rõ trách nhiệm, biện pháp khắc phục;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể nêu thêm câu hỏi liên quan đến nội dung đã chất vấn.

Thời gian trả lời chất vấn của người bị trả lời chất vấn do Chủ tọa phiên họp báo cáo Hội đồng nhân dân quyết định; thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá mười lăm phút, trong trường hợp đặc biệt do Chủ tọa phiên họp quyết định;

d) Sau khi nghe trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề

ngợi Hội đồng nhân dân tiếp tục thảo luận, đưa ra thảo luận tại phiên họp khác của Hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm của người bị chất vấn.

Căn cứ vào đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân và nội dung chất vấn, trả lời chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân biện pháp xử lý. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn thì Thường trực Hội đồng nhân dân phân công Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp với các cơ quan hữu quan chuẩn bị dự thảo nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân;

4. Người đã trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc đã gửi văn bản trả lời chất vấn cho đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng nhân dân bằng văn bản về việc thực hiện những vấn đề đã hứa, tiếp thu, ghi nhận tại kỳ họp trước. Báo cáo được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là mười ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

**Điều 54.** Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

09337977  
 Tel: +84 8 3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
 LawSoft



2. Thường trực Hội đồng nhân dân chuyển ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân đến người bị chất vấn và quyết định thời hạn, hình thức trả lời chất vấn;

3. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn bằng văn bản tới đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân; trường hợp không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

#### **Điều 55.**

1. Căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân hoặc khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tự mình hoặc theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân hoặc của đại biểu Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân.

Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ thành phần Đoàn giám sát, Trưởng đoàn giám sát, nội dung giám sát, thời gian tiến hành giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

**2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát do Hội đồng nhân dân giao, Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:**

a) Thông báo nội dung, kế hoạch, thành phần và thời hạn giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát

chậm nhất là bảy ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát;

b) Mời đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận và yêu cầu đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan, các chuyên gia về lĩnh vực được giám sát tham gia Đoàn giám sát khi xét thấy cần thiết;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát và thẩm quyền, trình tự, thủ tục giám sát theo quy định của pháp luật; không làm cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình những vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm; xem xét, xác minh tại chỗ những vấn đề mà Đoàn thấy cần thiết;

đ) Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì Đoàn giám sát yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để chấm dứt hành vi vi phạm, xử lý người vi phạm, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị vi phạm. Đoàn giám sát phải chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình;

e) Sau khi kết thúc cuộc giám sát, Đoàn giám sát báo cáo về kết quả giám sát, trong đó nêu rõ việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu







Hội đồng nhân dân chuẩn bị dự thảo nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân.

## **Mục 2. GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 57.** Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

1. Tổ chức Đoàn giám sát;
2. Xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;
3. Xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân; tổng hợp kết quả giám sát trình Hội đồng nhân dân;
4. Xem xét việc trả lời chất vấn trong trường hợp người bị chất vấn được Hội đồng nhân dân cho phép trả lời bằng văn bản gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân;
5. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân.

**Điều 58.** Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát hàng quý, hàng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng

nhân dân và ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương. Chương trình giám sát hàng quý được Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định vào tuần đầu tiên của tháng đầu tiên của quý đó; chương trình giám sát hàng năm được Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân.

### **Điều 59.**

**1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát, Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:**

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều 55 của Quy chế này;

b) Trong quá trình giám sát nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của người có hành vi vi phạm



pháp luật. Đoàn giám sát phải chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình.

**2.** Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xem xét.

**3. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:**

- a) Trưởng đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự cuộc họp phát biểu ý kiến;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;
- đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân được gửi tới cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**4.** Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

**5.** Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất. Trình tự xem xét báo cáo thực hiện

theo quy định tại khoản 4 Điều 55 của Quy chế này.

### **Điều 60.**

**1.** Thường trực Hội đồng nhân dân tự mình hoặc theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xem xét văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân giao cho Ban của Hội đồng nhân dân chuẩn bị ý kiến về văn bản quy phạm pháp luật đó để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

**3. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự sau đây:**

- a) Đại diện cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày ý kiến;
- b) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân trình bày ý kiến;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự cuộc họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;
- đ) Đại diện cơ quan ban hành văn bản



quy phạm pháp luật phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;

e) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

**4.** Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi văn bản và áp dụng các biện pháp cần thiết khác. Trong trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

**Điều 61.** Khi nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân, Thường trực Hội đồng nhân dân nghiên cứu, xem xét, chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và đôn đốc, theo dõi việc giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho Ban của Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

### **Điều 62.**

**1.** Trong trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân giao cho Ban của Hội đồng nhân dân giám sát một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Ban trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo.

**2. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Ban theo trình tự sau đây:**

a) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự cuộc họp phát biểu ý kiến;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

**3.** Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Ban tại kỳ họp gần nhất. Trình tự xem xét báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 55 của Quy chế này.

**Điều 63.** Thường trực Hội đồng nhân dân điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định sau đây:

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình giám sát của các Ban;

2. Kịp thời điều chỉnh kế hoạch giám sát của các Ban, bảo đảm để hoạt động giám sát không bị trùng lặp;

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân;



4. Hàng quý, tổ chức họp với Trưởng ban, Phó Trưởng ban của các Ban để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát;

5. Tổng hợp kết quả giám sát trình Hội đồng nhân dân.

### **Mục 3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 64.** Ban của Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát hàng quý, hàng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và ý kiến các thành viên của Ban. Chương trình giám sát hàng quý được Ban xem xét, quyết định chậm nhất vào tuần thứ hai của tháng đầu tiên của quý đó; chương trình giám sát hàng năm được Ban xem xét, quyết định chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua chương trình giám sát.

**Điều 65.** Chậm nhất là mười ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức họp thẩm tra báo cáo công tác của Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp theo sự phân công của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân.

### **Điều 66.**

**1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát, Đoàn giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:**

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 55, điểm b khoản 1 Điều 59 của Quy chế này;

b) Sau khi kết thúc cuộc giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát, trong đó nêu rõ việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, việc làm được, việc chưa làm được, hạn chế, khó khăn, vi phạm pháp luật (nếu có) và các kiến nghị của Đoàn thông qua hoạt động giám sát. Báo cáo của Đoàn phải được gửi đến Ban của Hội đồng nhân dân chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc giám sát;

c) Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn giám sát, Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xem xét.

**2. Ban của Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:**

a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự cuộc họp phát biểu ý kiến;

c) Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;



đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận; Ban biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

**3.** Báo cáo kết quả giám sát của Ban phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết và phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

**4.** Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

### Chương VII

## QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN

**Điều 67.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân, giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp trong thời gian giữa hai kỳ họp.

**Điều 68.** Đại diện Thường trực Hội

đồng nhân dân được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Ủy ban nhân dân cùng cấp bàn việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân được mời dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp về những vấn đề có liên quan.

Đại diện Ủy ban nhân dân được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được mời dự các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân về những vấn đề liên quan.

Đại diện Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được mời dự các cuộc họp của Ban của Hội đồng nhân dân khi bàn về những vấn đề có liên quan.

**Điều 69.** Ủy ban nhân dân có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo và cung cấp các tài liệu liên



quan khi có yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

### Chương VIII

## QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN

**Điều 70.** Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp ban hành quy chế phối hợp công tác.

Mỗi năm hai lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình, nêu những kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được mời dự kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân để thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền, về những ý kiến, kiến nghị của

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân được mời dự cuộc họp của Ban thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**Điều 71.** Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

**Điều 72.** Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp theo dõi hoạt động của đại biểu và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân không còn xứng đáng với



sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

**Điều 73.** Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân mời đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tham gia các hoạt động giám sát, kiểm tra của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết; phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

### Chương IX

## NHỮNG BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 74.** Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân là một khoản trong ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân và thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ.

Chủ tịch Hội đồng nhân dân chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

**Điều 75.** Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm được hưởng các chế độ như sau:

**1. Được cung cấp báo cáo của Thường**

trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân quyết định;

**2. Được cấp hoạt động phí hàng tháng như sau:**

a) Hoạt động phí của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bằng hệ số là 0,3 mức lương tối thiểu;

b) Hoạt động phí của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện bằng hệ số là 0,4 mức lương tối thiểu;

c) Hoạt động phí của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bằng hệ số là 0,5 mức lương tối thiểu;

**3. Được cấp thẻ bảo hiểm y tế nếu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; khi qua đời được hưởng chế độ mai táng theo quy định của pháp luật;**

**4. Khi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:**

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức nhà nước được giữ nguyên lương, các chế độ và phụ cấp khác nếu có;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân đang làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp kinh phí hoạt động theo quyết định của Hội đồng nhân dân.

**Điều 76.** Đại biểu Hội đồng nhân dân



đương nhiệm được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân.

Mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân do Chính phủ quy định. Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp ký.

Khi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân khi có yêu cầu.

**Điều 77.** Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 78.** Đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân cấp đại biểu được bầu.

Đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác đi khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu thì trước khi ra quyết định chuyển, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân và thông báo tới Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

cùng cấp, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

**Điều 79.** Chính phủ quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp mình.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình.

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

## Chương X

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TRONG TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI CẤP HOẶC ĐỊA GIỚI CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

**Điều 80.** Trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được nhập thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Trong trường hợp một đơn vị hành chính được chia thành nhiều đơn vị hành chính mới, các đại biểu Hội đồng nhân



dân đã được bầu hoặc công tác ở địa hạt đơn vị hành chính mới nào thì hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính đó và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên khác của Ban, Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính cũ chấm dứt hoạt động khi đã chỉ định được triệu tập viên hoặc Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới được chia hoặc sáp nhập.

**Điều 81.** Trong trường hợp số đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới được chia có từ đủ hai phần ba trở lên so với số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới tiến hành kỳ họp với nội dung như kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ mới.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới do một triệu tập viên được chỉ định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính đó triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới. Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính trước khi chia hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân ở các đơn vị hành chính trước khi sáp nhập đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định triệu tập viên,

đối với cấp tỉnh thì đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ định.

### **Điều 82.**

1. Trong trường hợp số đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới được chia không đủ hai phần ba so với số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì phải tổ chức bầu cử bổ sung trước khi tiến hành kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân; việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp không tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đối với cấp tỉnh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cũ trước khi chia.

**2. Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:**

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị hội nghị của các đại biểu Hội đồng nhân dân; triệu tập và chủ tọa hội nghị của các đại biểu Hội đồng nhân dân để bàn và kết luận về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách địa phương. Kết luận này có giá trị để Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện;

b) Tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội



đồng nhân dân, ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo với hội nghị của các đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Giữ mối liên hệ, đôn đốc và tạo điều kiện để các đại biểu Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động;

d) Triệu tập và chủ tọa kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác của Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

### **Điều 83.**

1. Trong trường hợp một đơn vị hành chính được thay đổi cấp quản lý hành chính hoặc thành lập một đơn vị hành chính mới hoặc trong trường hợp Hội đồng nhân dân bị giải tán thì kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân mới được bầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời cùng cấp triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Việc chỉ định Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 134 và Điều 137 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở các đơn vị hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 84.**

1. Trong trường hợp một đơn vị hành

chính mới được chia, một phần địa phận và dân cư của đơn vị hành chính được điều chỉnh về một đơn vị hành chính khác hoặc một tập thể dân cư được điều động di chuyển đi nơi khác thì đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc địa phận đó hoặc chuyển theo tập thể dân cư trở thành đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tương đương ở đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ. Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cũ có trách nhiệm làm các thủ tục chuyển đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân đơn vị hành chính nơi đại biểu chuyển đến và thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp biết. Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính nơi đại biểu chuyển đến thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp biết.

2. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân có yêu cầu và được Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cũ chấp thuận thì có thể không chuyển đến đơn vị hành chính mới được chia hoặc không di chuyển theo tập thể dân cư được điều động đi nơi khác hoặc không di chuyển theo một phần địa phận và dân cư của đơn vị hành chính này được điều chỉnh về một đơn vị hành chính khác. Trong trường hợp này, Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cũ quyết định chuyển đại biểu đến sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

**Điều 85.** Việc bầu cử và bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân theo



quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Quy chế này được tiến hành chậm nhất là sáu tháng, kể từ ngày quyết định chia đơn vị hành chính, thành lập đơn vị hành chính mới, thay đổi cấp quản lý hành chính hoặc giải tán Hội đồng nhân dân có hiệu lực. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian tiến hành bầu cử hoặc bầu cử bổ sung do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nếu thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khóa đó không đủ một phần ba thì không tổ chức bầu cử hoặc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân.

### Chương XI

## ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XIN THÔI LÀM NHIỆM VỤ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU BỊ BÃI NHIỆM, ĐẠI BIỂU BỊ MẤT QUYỀN ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ GIẢI TÁN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

### Điều 86.

**1. Việc xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo trình tự sau đây:**

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân đơn xin thôi

làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trước khi biểu quyết thông qua nghị quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu có thể phát biểu ý kiến.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu và đại biểu đó biết nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân.

**3.** Đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu kể từ ngày Hội đồng nhân dân thông qua nghị quyết về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

### Điều 87.

**1. Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:**

a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trước khi biểu quyết thông qua nghị



quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân bị đề nghị bãi nhiệm có thể phát biểu ý kiến.

Nghị quyết về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu và người bị bãi nhiệm biết nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

### **Điều 88.**

Việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu đó được bầu hoặc nơi đại biểu đó đang sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và công bố ngày bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ấn định và công bố ngày bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Ngày bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phải là ngày chủ nhật;

2. Chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Ủy ban nhân dân sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định thành lập Ban tổ chức

bãi nhiệm từ bảy đến chín người. Thành phần Ban tổ chức bãi nhiệm gồm đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở địa phương. Ban tổ chức bãi nhiệm cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Thư ký. Ban tổ chức bãi nhiệm làm việc theo quy định tại các điểm a, b, i, l và m khoản 2 Điều 16, các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 17 và Điều 20 của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Ban tổ chức bãi nhiệm hết nhiệm vụ sau khi đã trình biên bản tổng kết cuộc bãi nhiệm và hồ sơ, tài liệu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất;

3. Chậm nhất là bảy ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ công tác bãi nhiệm từ ba đến năm người, gồm đại diện của tổ chức xã hội và tập thể cử tri. Đơn vị vũ trang thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ công tác bãi nhiệm từ ba đến năm người. Tổ công tác bãi nhiệm cử Tổ trưởng và Thư ký. Tổ công tác bãi nhiệm làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 và Điều 20 của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Tổ công tác bãi nhiệm hết nhiệm vụ sau khi Ban tổ chức bãi nhiệm công bố kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm;

4. Việc thành lập khu vực bỏ phiếu bãi nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 13



của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

5. Danh sách cử tri bỏ phiếu bãi nhiệm được lập theo quy định tại các Điều 2, 23, 24 và 25 của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và chậm nhất là bảy ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm;

6. Việc kiểm phiếu được tiến hành theo quy định tại các điều 55, 56, 57, 58 và 59 của Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của các Tổ công tác bãi nhiệm, Ban tổ chức bãi nhiệm làm biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm. Khi có quá nửa tổng số cử tri ghi tên trong danh sách bỏ phiếu bãi nhiệm đi bỏ phiếu thì việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân có giá trị và khi có quá nửa số phiếu tán thành bãi nhiệm thì đại biểu Hội đồng nhân dân đó bị bãi nhiệm.

Ban tổ chức bãi nhiệm công bố kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm chậm nhất là ba ngày sau ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm của Ban tổ chức bãi nhiệm làm thành năm bản có chữ ký của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Thư ký, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp; nếu là cuộc bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì biên bản được gửi đến Thường trực Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ;

7. Kinh phí tổ chức việc bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân do ngân sách địa phương bảo đảm.

**Điều 89.** Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi ra quyết định khởi tố. Đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố thì Thường trực Hội đồng nhân dân ra quyết định tạm đình chỉ làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân trở lại làm nhiệm vụ đại biểu khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc khởi tố đối với đại biểu hoặc sau khi xét xử mà không bị Tòa án kết án.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phạm tội, bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tòa án đã xét xử việc phạm tội của đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm gửi bản sao bản án hoặc trích lục bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đến Thường trực Hội đồng nhân dân và thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp biết.

Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo với Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất việc đại biểu Hội đồng nhân dân đó bị mất quyền đại biểu Hội đồng



nhân dân, đồng thời thông báo để cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu biết.

**Điều 90.** Đại biểu Hội đồng nhân dân xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu và được Hội đồng nhân dân chấp thuận, bị bãi nhiệm hoặc bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi các chức vụ mà theo quy định của pháp luật phải là đại biểu Hội đồng nhân dân mới được làm.

Đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu thì đương nhiên bị tạm đình chỉ các chức vụ mà theo quy định của pháp luật phải là đại biểu Hội đồng nhân dân mới được làm.

### **Điều 91.**

1. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp giải tán, nếu là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội giải tán.

**2. Việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp xã được tiến hành theo trình tự sau đây:**

a) Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình ra Hội đồng nhân dân cấp mình xem xét, quyết định việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp;

b) Hội đồng nhân dân thảo luận và thông qua nghị quyết.

Nghị quyết giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn; nghị quyết giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

3. Việc xem xét, quyết định giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Khi Hội đồng nhân dân bị giải tán thì các đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

## *Chương XII*

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 92.**

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan khác của Nhà nước có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Căn cứ vào Quy chế này, Hội đồng nhân dân các địa phương có thể xây dựng Quy chế hoạt động của mình phù hợp tình hình cụ thể của địa phương./.

*Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2005*

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Chủ tịch*

**Nguyễn Văn An**